

Công ty Cổ phần SAM Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần SAM Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 36

Công ty Cổ phần SAM Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	
Ông Hồ Anh Dũng	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	
Ông Chu Đức Tâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Lê Thị Lan Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Hải Quang	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2019
Bà Chung Thị Kiều Ngân	Thành viên	
Ông Hoàng Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Việt Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần SAM Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61354714/21094343/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần SAM Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SAM Holdings (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 12 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		834.959.501.873	682.152.011.560
110	I. Tiền	4	12.817.378.229	9.882.861.607
111	1. Tiền		12.817.378.229	9.882.861.607
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	200.384.697.147	304.990.313.434
121	1. Chứng khoán kinh doanh		293.122.754.707	391.118.428.057
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(92.738.057.560)	(86.128.114.623)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		619.892.958.211	366.653.895.357
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		750.400.000	818.400.000
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	15.100.000.000	7.600.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	604.042.558.211	358.235.495.357
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.864.468.286	624.941.162
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		598.728.757	126.378.205
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		208.054.615	94.209.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	1.057.684.914	404.353.134
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.803.248.381.846	2.877.933.694.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.266.978.880	71.266.978.880
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.266.978.880	71.266.978.880
220	II. Tài sản cố định		175.030.683	304.764.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	58.725.689	72.154.685
222	Nguyên giá		15.625.093.480	16.064.884.550
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(15.566.367.791)	(15.992.729.865)
227	2. Tài sản cố định vô hình		116.304.994	232.609.996
228	Nguyên giá		697.830.000	697.830.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(581.525.006)	(465.220.004)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9	2.801.216.858.987	2.805.526.534.172
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.867.888.892.000	1.867.888.892.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		696.200.970.000	696.200.970.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		416.052.400.000	415.400.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(178.925.403.013)	(173.963.327.828)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		589.513.296	835.417.056
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		589.513.296	835.417.056
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.638.207.883.719	3.560.085.706.349

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.100.107.275.828	1.037.570.600.321
310	I. Nợ ngắn hạn		540.578.475.828	403.916.200.321
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		175.099.138	176.442.264
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	81.967.038	88.192.241
314	3. Phải trả người lao động		554.412.111	593.112.882
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	18.453.377.331	17.911.692.287
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	1.620.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	150.887.766.975	94.303.825.869
320	7. Vay ngắn hạn	14	367.011.200.000	289.983.522.914
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.794.653.235	859.411.864
330	II. Nợ dài hạn		559.528.800.000	633.654.400.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		440.000.000	60.000.000
338	2. Vay dài hạn	14	559.088.800.000	633.594.400.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.538.100.607.891	2.522.515.106.028
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	2.538.100.607.891	2.522.515.106.028
411	1. Vốn cổ phần		2.490.362.630.000	2.490.362.630.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.490.362.630.000	2.490.362.630.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		142.970.000	142.970.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.595.007.891	32.009.506.028
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		31.018.441.205	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.576.566.686	32.009.506.028
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.638.207.883.719	3.560.085.706.349


Võ Ý Thảo
Người lập


Nguyễn Thanh Xuân
Kế toán trưởng




Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

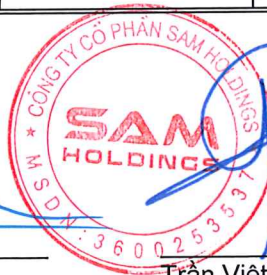
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	430.000.000	101.129.951.974
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(58.228.752)	(24.865.280.998)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		371.771.248	76.264.670.976
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	88.155.369.414	178.275.127.968
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	(62.202.980.009) (50.190.701.449)	(161.024.761.431) (45.283.454.252)
25	6. Chi phí bán hàng	19	-	(13.183.896.000)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(9.323.338.405)	(13.087.759.618)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.000.822.248	67.243.381.895
31	9. Thu nhập khác		60.765.982	-
40	10. Lợi nhuận khác		60.765.982	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.061.588.230	67.243.381.895
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(485.021.544)	(14.828.740.099)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	20.3	-	(387.980.289)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.576.566.686	52.026.661.507



Võ Ý Thảo
Người lập



Nguyễn Thanh Xuân
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.061.588.230	67.243.381.895
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		129.733.998	841.836.126
03	Các khoản dự phòng		11.572.018.122	110.352.343.974
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.544.411.460)	(121.813.981.571)
06	Chi phí lãi vay	18	50.190.701.449	45.283.454.252
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.409.630.339	101.907.034.676
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(156.848.474.808)	56.021.163.049
10	Tăng hàng tồn kho		-	(33.777.603.600)
11	Tăng các khoản phải trả		55.203.837.329	179.229.586.268
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(226.446.792)	1.933.498.146
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		97.995.673.350	238.083.339.243
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.313.698.588)	(29.783.745.469)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.138.353.324)	-
17	Tiền chi khác của hoạt động kinh doanh		(55.823.452)	(1.729.129.884)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(24.973.655.946)	511.884.142.429
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	5.000.000.000
23	Tiền chi cho vay		(29.500.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		22.000.000.000	3.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(652.400.000)	(541.072.423.412)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	111.414.885.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		33.539.978.622	44.237.676.311
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		25.387.578.622	(376.719.861.301)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	14	158.800.000.000	248.207.588.301
34	Tiền trả nợ gốc vay	14	(156.277.922.914)	(372.660.239.379)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	15.2	(1.483.140)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		2.520.593.946	(124.452.651.078)
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		2.934.516.622	10.711.630.050
60	Tiền đầu kỳ		9.882.861.607	3.434.471.549
70	Tiền cuối kỳ	4	12.817.378.229	14.146.101.599



Võ Ý Thảo
Người lập



Nguyễn Thanh Xuân
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 26 (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 28).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 để ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
Thương hiệu	3 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.11 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.12 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền gửi ngân hàng	12.817.378.229	9.882.861.607

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018			VND
	Mã cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán kinh doanh:							
- Tổng Công ty Dược Việt Nam	DVN	283.624.800.000	191.042.000.000	(92.582.800.000)	283.624.800.000	203.196.000.000	(80.428.800.000)
- Công ty Cổ phần (*)							
- Công ty Cổ phần Alphanam	ALP	7.243.518.147	7.243.518.147	-	7.243.518.147	1.772.604.084	(5.470.914.063)
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	VAF	1.762.360.000	2.382.702.400	-	1.762.360.000	2.565.987.200	-
- Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	PVD	492.076.560	336.819.000	(155.257.560)	492.076.560	263.676.000	(228.400.560)
- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (*)	DNP	-	-	-	97.995.673.350	107.971.200.000	-
TỔNG CỘNG		293.122.754.707	201.005.039.547	(92.738.057.560)	391.118.428.057	315.769.467.284	(86.128.114.623)

(*) Toàn bộ cổ phiếu Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 14.1)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư như sau:

	Mã cổ phiếu	Số đầu kỳ	Mua trong kỳ	Bán trong kỳ	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	DNP				
- Về số lượng		6.748.200	-	(6.748.200)	-
- Về giá trị		97.995.673.350	-	(97.995.673.350)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	(i) <u>15.100.000.000</u>	<u>7.600.000.000</u>
(i) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan như sau:		
<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Lãi cho vay đảm bảo</i>
	<i>VND</i>	<i>(%/năm)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt		
Hợp đồng số 335/2016/SAM-ANVIET/HDVV	6.500.000.000	9,5% Tín chấp
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao		
Hợp đồng số 01/2019/SAG-SAM/HDVV	5.000.000.000	11,5% Tín chấp
Hợp đồng số 03/2019/SAG-SAM/HDVV	2.500.000.000	12% Tín chấp
Hợp đồng số 01/2018/SAG-SAM/HDVV	<u>1.100.000.000</u>	11,5% Tín chấp
	<u>8.600.000.000</u>	
TỔNG CỘNG	<u>15.100.000.000</u>	

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn trả gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	604.042.558.211	358.235.495.357
Vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ("HĐHTĐT") (i)	287.102.000.000	127.850.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn	155.780.149.500	105.780.149.500
Mua cổ phần của doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản	123.122.423.412	123.122.423.412
Cổ tức phải thu	18.531.442.500	-
Lãi từ HĐHTĐT	12.109.967.167	-
Khác	7.396.575.632	1.482.922.445
Dài hạn	1.266.978.880	71.266.978.880
Vốn góp HĐHTĐT (ii)	1.000.000.000	71.000.000.000
Đặt cọc	266.978.880	266.978.880
TỔNG CỘNG	<u>605.309.537.091</u>	<u>429.502.474.237</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>562.894.290.977</i>	<i>408.080.619.464</i>
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>42.415.246.114</i>	<i>21.421.854.773</i>

(i) Chi tiết khoản vốn góp HĐHTĐT ngắn hạn như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 287.102.000.000 VND với các cá nhân liên quan đến việc ủy thác đầu tư để mua cổ phần doanh nghiệp, chứng khoán kinh doanh.

(ii) Chi tiết khoản vốn góp HĐHTĐT dài hạn như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 1.000.000.000 VND với cá nhân theo hợp đồng số 12/2018/HĐHT/SAM-VA ngày 25 tháng 7 năm 2018.

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	11.906.769.352	134.290.000	2.654.682.718	1.369.142.480	16.064.884.550
Thanh lý	(439.791.070)	-	-	-	(439.791.070)
Vào ngày ngày 30 tháng 6 năm 2019	11.466.978.282	134.290.000	2.654.682.718	1.369.142.480	15.625.093.480
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	11.466.978.282	-	2.654.682.718	1.369.142.480	15.490.803.480
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(11.906.769.352)	(62.135.315)	(2.654.682.718)	(1.369.142.480)	(15.992.729.865)
Khấu hao trong kỳ	-	(13.428.996)	-	-	(13.428.996)
Thanh lý	439.791.070	-	-	-	439.791.070
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	(11.466.978.282)	(75.564.311)	(2.654.682.718)	(1.369.142.480)	(15.566.367.791)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	72.154.685	-	-	72.154.685
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	-	58.725.689	-	-	58.725.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 9.1</i>)	1.867.888.892.000	1.867.888.892.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 9.2</i>)	696.200.970.000	696.200.970.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 9.3</i>)	416.052.400.000	415.400.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(178.925.403.013)</u>	<u>(173.963.327.828)</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.801.216.858.987</u>	<u>2.805.526.534.172</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Kinh doanh khu du lịch, sân golf	99,75%	897.300.000.000	99,75%	897.300.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Sản xuất dây cáp	99,92%	499.600.000.000	99,92%	499.600.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	Kinh doanh bất động sản	74,99%	301.988.892.000	74,99%	301.988.892.000
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	73,75%	118.000.000.000	73,75%	118.000.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
TỔNG CỘNG			1.867.888.892.000		1.867.888.892.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(159.741.494.915)		(150.353.003.338)
GIÁ TRỊ THUẬN			1.708.147.397.085		1.717.535.888.662

(i) Một phần cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 14.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (i)	Kinh doanh dịch vụ du lịch	34,96%	537.552.970.000	34,96%	537.552.970.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Phát triển hạ tầng	45,00%	155.500.000.000	45,00%	155.500.000.000
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Tổ chức sự kiện và quảng cáo	31,48%	3.148.000.000	31,48%	3.148.000.000
TỔNG CỘNG			696.200.970.000		696.200.970.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(5.683.908.098)		(10.110.324.490)
GIÁ TRỊ THUẬN			690.517.061.902		686.090.645.510

(i) Toàn bộ cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu ngắn hạn và vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh số 14.1 và Thuyết minh số 14.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần (*)	398.400.000.000	398.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	652.400.000	-
Công ty Cổ phần Vietferm	500.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG	416.052.400.000	415.400.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	402.552.400.000	401.900.000.000

(*) Toàn bộ cổ phiếu Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 14.1).

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	404.353.134	1.138.353.324	(485.021.544)	1.057.684.914
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	88.192.241	724.467.335	(730.692.538)	81.967.038

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí lãi vay	18.235.877.331	16.723.611.167
Khác	217.500.000	1.188.081.120
TỔNG CỘNG	18.453.377.331	17.911.692.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

12. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng liên quan đến việc cho thuê đất tại địa chỉ Đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Nhận vốn góp HĐHTĐT (*)	134.500.000.000	80.000.000.000
Chi phí lãi vay	9.411.548.244	7.046.811.547
Ký quỹ để chuyển nhượng khoản đầu tư	5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ tức	1.372.031.029	1.373.514.169
Khác	<u>604.187.702</u>	<u>883.500.153</u>
TỔNG CỘNG	<u>150.887.766.975</u>	<u>94.303.825.869</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>66.976.218.731</i>	<i>88.064.119.217</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>83.911.548.244</i>	<i>6.239.706.652</i>

(*) Chi tiết các khoản nhận vốn góp HĐHTĐT ngắn hạn như sau:

- Khoản nhận vốn góp HĐHTĐT trị giá 60.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng từ ngày 14 tháng 9 năm 2018 với Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Phát triển Lĩnh Phong - C.O.N.I.C liên quan đến việc ủy thác đầu tư. Công ty cam kết mức lợi nhuận tương đương với lãi suất là 10%/năm trên tổng giá trị vốn nhận góp trong HĐHTĐT.
- Khoản nhận vốn góp HĐHTĐT trị giá 74.500.000.000 VND thời hạn 12 tháng từ ngày 11 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia liên quan đến việc ủy thác đầu tư để đầu tư phát triển dự án bất động sản hoặc hoạt động tài chính khác. Công ty cam kết mức lợi nhuận tối thiểu là 8%/năm trên tổng giá trị vốn nhận góp trong HĐHTĐT.

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

14. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ngắn hạn	289.983.522.914	158.800.000.000	(156.277.922.914)	74.505.600.000	367.011.200.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 14.1)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 14.3)	46.792.100.000	-	-	46.792.100.000	93.584.200.000
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 14.2 và 21)	95.500.000.000	58.800.000.000	(136.300.000.000)	-	18.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 14.4 và 21)	27.713.500.000	-	-	27.713.500.000	55.427.000.000
Vay từ Công ty chứng khoán	19.977.922.914	-	(19.977.922.914)	-	-
Dài hạn	633.594.400.000	-	-	(74.505.600.000)	559.088.800.000
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 14.3)	421.128.900.000	-	-	(46.792.100.000)	374.336.800.000
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 14.4 và 21)	212.465.500.000	-	-	(27.713.500.000)	184.752.000.000
TỔNG CỘNG	923.577.922.914	158.800.000.000	(156.277.922.914)	-	926.100.000.000

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

14. VAY (tiếp theo)

14.1 Trái phiếu

Chi tiết khoản trái phiếu để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank				
Phát hành ngày 9 tháng 7 năm 2018	100.000.000.000	1 năm	9,9%	11.800.000 cổ phiếu phổ thông Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần; và 6.227.805 cổ phiếu phổ thông Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
Phát hành ngày 25 tháng 4 năm 2019	100.000.000.000	1 năm	10%	24.000.000 cổ phiếu phổ thông Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần; và 7.000.000 cổ phiếu phổ thông Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
	<u>200.000.000.000</u>			

14.2 Vay ngắn hạn từ các bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom				
Hợp đồng số 02/2019/SAM-SAMLAND/HDW	10.000.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2019	5,5%	Tin chấp
Hợp đồng số 03/2018/SAM-SAMLAND/HDW	5.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	9,6%	Tin chấp
	<u>15.000.000.000</u>			
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom				
Hợp đồng số 15/2019/SDC-SAM/HĐVV	3.000.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2019	6%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>18.000.000.000</u>			

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

14. VAY (tiếp theo)

14.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn đầu tư Dự án Resort Sacom Tuyên Lâm - Đà Lạt được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
-------------	----------------------	----------------	---------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 020-042/17/VAB/HĐTDTDH	<u>467.921.000.000</u>	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024	11,5%	20.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom; và 28.261.620 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
------------------------------------	------------------------	---	-------	---

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả	93.584.200.000
- Vay dài hạn	374.336.800.000

14.4 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
-------------	----------------------	----------------	---------------------	-------------------

Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm

Hợp đồng số 01/2017/SAM-STL/HĐVV	<u>240.179.000.000</u>	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	11,5%	Tin chấp
----------------------------------	------------------------	---	-------	----------

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả	55.427.000.000
- Vay dài hạn	184.752.000.000

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.417.857.030.000	142.970.000	53.367.689.519	2.471.367.689.519
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	52.026.661.507	52.026.661.507
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.186.814.958)	(2.186.814.958)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.417.857.030.000	142.970.000	103.207.536.068	2.521.207.536.068
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.490.362.630.000	142.970.000	32.009.506.028	2.522.515.106.028
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.576.566.686	16.576.566.686
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(991.064.823)	(991.064.823)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.490.362.630.000	142.970.000	47.595.007.891	2.538.100.607.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	2.490.362.630.000	2.417.857.030.000
Cổ tức đã trả trong kỳ		
Cổ tức các kỳ trước trả cho chủ sở hữu	1.483.140	-

15.3 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	249.036.263	241.785.703
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	249.036.263	241.785.703
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	249.036.263	241.785.703

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Doanh thu cho thuê	430.000.000	2.552.991.974
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	98.576.960.000
TỔNG CỘNG	430.000.000	101.129.951.974
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	430.000.000	100.555.689.974
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	-	574.262.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

16. DOANH THU (tiếp theo)

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Cổ tức nhận được	52.049.442.500	24.897.588.200
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	18.153.540.013	131.398.735.968
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	17.457.417.941	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	19.849.691.800
Thu nhập từ lãi cho vay, lãi tiền gửi	494.968.960	2.129.112.000
TỔNG CỘNG	<u>88.155.369.414</u>	<u>178.275.127.968</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn dịch vụ cho thuê	58.228.752	475.811.536
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	24.389.469.462
TỔNG CỘNG	<u>58.228.752</u>	<u>24.865.280.998</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí lãi vay	50.190.701.449	45.283.454.252
Dự phòng các khoản đầu tư	11.572.018.122	110.352.343.974
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	22.627.235	4.542.433.411
Khác	417.633.203	846.529.794
TỔNG CỘNG	<u>62.202.980.009</u>	<u>161.024.761.431</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí bán hàng	-	13.183.896.000
- Chi phí môi giới	-	13.183.896.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.323.338.405	13.087.759.618
- Chi phí lương	5.712.465.918	7.337.875.646
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.489.058.527	2.917.711.017
- Chi phí khấu hao và hao mòn	129.733.998	545.179.324
- Chi phí khác	992.079.962	2.286.993.631
TỔNG CỘNG	<u>9.323.338.405</u>	<u>26.271.655.618</u>

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	485.021.544	14.828.740.099
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	387.980.289
TỔNG CỘNG	<u>485.021.544</u>	<u>15.216.720.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	VND	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.061.588.230	67.243.381.895
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.412.317.646	13.448.676.379
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	7.482.592.398	6.747.561.649
Cổ tức nhận được	(10.409.888.500)	(4.979.517.640)
Chi phí thuế TNDN	485.021.544	15.216.720.388

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lỗi thuế chuyển sang các năm sau	-	-	-	(387.980.289)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	(387.980.289)

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay Cổ tức Chi phí lãi vay Doanh thu cho thuê	48.800.000.000 29.976.000.000 641.342.466 -	- 7.492.500.000 463.102.877 356.032.180
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	Nhận góp vốn từ HĐQT Chi phí lãi vay	55.000.000.000 1.503.671.231	- -
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công Nghệ Cao	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Góp vốn	29.500.000.000 151.483.563 -	- - 16.550.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Cổ tức Vay Chi phí lãi vay Chi phí môi giới Chi phí dịch vụ	15.082.500.000 10.000.000.000 287.505.422 - -	- 20.000.000.000 1.641.123.612 11.985.360.000 281.474.927
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Chi phí lãi vay Doanh thu cho thuê	13.696.783.249 -	13.851.796.945 218.229.820
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết	Cổ tức	3.448.942.500	17.244.712.500
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	Tạm ứng	2.000.000.000	1.167.683.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	310.465.278	310.465.277
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	Lãi cho vay	-	176.908.333

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
VND				
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Cho vay	8.600.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Cho vay	6.500.000.000	6.500.000.000
			15.100.000.000	7.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐHTĐT Tạm ứng	19.150.000.000 2.000.000.000	19.150.000.000 -
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Cổ tức	15.082.500.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết	Cổ tức	3.448.942.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.567.763.887	1.257.298.609
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Lãi cho vay	166.039.727	14.556.164
			41.415.246.114	20.421.854.773

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	VND
Phải thu dài hạn khác					
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT	1.000.000.000	1.000.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Sacom Tuyền Lâm	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	9.103.000	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ	7.190.000	-	
			16.293.000		
Phải trả ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	Nhận góp vốn từ HĐQT	74.500.000.000	-	
		Lãi vay	2.428.164.382	-	
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Lãi vay	5.902.481.180	5.978.154.013	
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Lãi vay	785.506.849	144.164.383	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Lãi vay	295.395.833	105.555.556	
		Thu hộ	-	-	
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Khác	-	11.832.700	
			83.911.548.244	6.239.706.652	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>VND</i>
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	55.427.000.000	27.713.500.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Vay	15.000.000.000	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay	3.000.000.000	33.500.000.000	
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	Vay	-	57.000.000.000	
			73.427.000.000	123.213.500.000	
Vay dài hạn					
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	184.752.000.000	212.465.500.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lương và thưởng	<u>2.134.685.018</u>	<u>2.554.462.884</u>

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Võ Ý Thảo
Người lập



Nguyễn Thanh Xuân
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2019